

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN DÂN TỘC - BỘ TÀI CHÍNH

ỦY BAN DÂN TỘC -
BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2013/TTLT-UBDT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg
ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực
hiện Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư
cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015**

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số du canh, du cư đến năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư (sau đây viết tắt là ĐCĐC) đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây gọi tắt là hộ) còn du canh, du cư thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số

30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn và Quyết định số 1733/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2009 về việc công nhận các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Hộ du canh, du cư, có đủ ba tiêu chí sau:

a) Không có đất sản xuất ổn định thuộc quyền sử dụng của hộ theo quy định của Nhà nước;

b) Nơi ở không ổn định, xa điểm dân cư, di chuyển chỗ ở theo nơi sản xuất;

c) Chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước quy định tại Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004, Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2007, Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 và Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ đầu tư cho cộng đồng

a) Đối với điểm ĐCĐC tập trung: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, bao gồm:

- Bồi thường giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất ở, đất sản xuất;
- San gạt đất ở (tạo nền nhà) cho các hộ đến ĐCĐC;
- Khai hoang tạo quỹ đất sản xuất;
- Đường giao thông tới điểm ĐCĐC là đường loại B giao thông nông thôn và đường dân sinh nội vùng điểm ĐCĐC (đảm bảo xe máy đi được);
- Công trình điện sinh hoạt tới điểm ĐCĐC tập trung;
- Công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất;
- Công trình nước sinh hoạt;
- Lớp học, nhà mẫu giáo;
- Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản;
- Một số công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế của địa phương;

b) Đối với điểm ĐCĐC xen ghép: ngân sách nhà nước hỗ trợ cho ngân sách xã với mức 20 triệu đồng/hộ để sử dụng vào việc bồi thường đất ở, đất sản xuất cho hộ dân sở tại bị thu hồi đất giao cho hộ ĐCĐC theo chế độ quy định, trường hợp còn dư, số kinh phí này được sử dụng để bổ sung cho nguồn kinh phí đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu của xã;

c) Hỗ trợ nhân viên (người lao động) phát triển cộng đồng tại các điểm ĐCĐC tập trung, gồm: 01 nhân viên y tế và 01 nhân viên khuyến nông, khuyến lâm; mức hỗ trợ tương đương mức lương bậc 01 của ngạch cán bộ, công chức quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 và Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; thời gian hỗ trợ: 3 năm tính từ khi các hộ dân về điểm ĐCĐC mới;

d) Hỗ trợ kinh phí áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới đưa vào sản xuất 3 năm đầu, mỗi năm 30 triệu đồng/thôn, bản (điểm ĐCĐC tập trung).

2. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ du canh, du cư thực hiện ĐCĐC

a) Các hộ du canh du cư thực hiện ĐCĐC (gồm cả ĐCĐC tập trung và xen ghép) được giao đất ở, đất sản xuất, diện tích tối thiểu theo mức quy định tại Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn và Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg ngày 31/12/2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg;

b) Hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ ĐCĐC để làm nhà ở, phát triển sản xuất, mua lương thực 6 tháng đầu tính từ khi đến điểm ĐCĐC, nước sinh hoạt; mức hỗ trợ cụ thể cho từng hộ và từng mục đích do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quy định;

c) Đối với hộ ĐCĐC xen ghép theo kế hoạch được hỗ trợ 01 triệu đồng/hộ để tạo nền nhà;

d) Hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi ĐCĐC (tính theo thực tế khi lập dự án); mức hỗ trợ xác định theo quãng đường thực tế và đơn giá của loại phương tiện phổ thông tại địa phương;

- Phương thức thực hiện: Chủ đầu tư giao Ban quản lý dự án tổ chức di chuyển dân, hoặc giao trực tiếp cho hộ tự di chuyển. Tùy theo điều kiện thực tế, UBND tỉnh quy định cách thức tổ chức thực hiện di chuyển đến điểm ĐCĐC;

đ) Sau khi về điểm ĐCĐC, các hộ được hưởng các chính sách hiện hành như người dân tại chỗ; trong đó ưu tiên cho vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống.

Điều 3. Nguồn vốn và sử dụng vốn

1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 2 của Thông tư này.

2. Ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí kinh phí tuyên truyền, vận động các hộ thuộc đối tượng của chính sách tự nguyện thực hiện ĐCĐC; quản lý, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ đã được ĐCĐC; bổ sung kinh phí hỗ trợ (nếu có) để thực hiện chính sách di dân thực hiện ĐCĐC theo Điều 2 của Thông tư này.

3. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm huy động, lồng ghép nguồn vốn Chương trình 135 và các chính sách, chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh để thực hiện ĐCĐC cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 4. Lập dự toán và phân bổ vốn

1. Lập dự toán và phân bổ kinh phí

a) Hàng năm, căn cứ số hộ du canh, du cư được hỗ trợ; số điểm ĐCĐC tập trung, xen ghép đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg và tình hình thực hiện các dự án, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, Sở Kế hoạch Đầu tư tham mưu cho UBND cấp tỉnh xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg theo từng nội dung chính sách; trong đó xác định rõ nguồn hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn của các chương trình, dự án, chính sách khác gửi Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ;

b) Trên cơ sở dự toán bổ sung có mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao, nguồn ngân sách địa phương (nếu có), vốn lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn huy động khác thực hiện Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập phương án phân bổ dự toán ngân sách, chi tiết theo từng nhiệm vụ, theo từng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là huyện) gửi UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách địa phương năm 2014, 2015;

c) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND cấp tỉnh giao dự toán cho các huyện (chi tiết theo từng nhiệm vụ). Căn cứ mức kinh phí được UBND cấp tỉnh giao, UBND cấp huyện quyết định phân bổ và thông báo cho UBND cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là xã) chi tiết từng nhiệm vụ, hộ dân được hưởng theo danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định;

d) Căn cứ quyết định của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ đến từng thôn bản, điểm ĐCĐC, từng hộ theo từng chính sách, chế độ được hỗ trợ.

2. Tổng hợp và giao kế hoạch vốn

Hàng năm, trên cơ sở dự toán Ngân sách Trung ương và báo cáo tình hình thực hiện các dự án ĐCĐC của các tỉnh, Ủy ban Dân tộc tổng hợp, xây dựng Kế hoạch